TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ ĐÔNG HÒA** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 220/2020/QĐST-HNGĐ	*Đông Hòa, ngày 06 tháng 10 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 220/2020/TLST- HNGĐ ngày 04/9/2020, giữa:

Nguyên đơn: bà A – sinh năm: 1984; hộ khẩu đang ký thường trú: khu phố P, phường H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên; nơi cư trú hiện nay: thôn L, xã T, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên.

Bị đơn: ông B – sinh năm: 1983; nơi cư trú: khu phố P, phường H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng M; Địa chỉ: số N, phường C, quận D, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông T1 – Giám đốc Ngân hàng M – Chi nhánh thị xã Đ, tỉnh Phú Yên, theo văn bản ủy quyền số 2965/QĐ-NHNo-PC ngày 27/12/2019 của Ngân hàng M. Ông X – Phó Giám đốc Ngân hàng M – Chi nhánh thị xã Đ, tỉnh Phú Yên, theo giấy ủy quyền ngày 25/9/2019.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 28 tháng 9 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 28 tháng 9 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: bà A và ông B.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: giao 02 con chung Phạm Quốc Y (sinh ngày 14/12/2004) và Phạm Ngọc X (sinh ngày 12/10/2006) cho bà A được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Ông B không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông B có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: bà A thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng M – Chi nhánh thị xã Đ, tỉnh Phú Yên số tiền nợ gốc 20.000.000 đồng (*Hai mươi triệu đồng*), lãi đến ngày 25/9/2020 là 230.137 đồng (*Hai trăm ba mươi một trăm ba mươi bảy đồng*) và lãi suất theo hợp đồng mà bà A, ông B đã xác lập với Ngân hàng M – Chi nhánh thị xã Đ, tỉnh Phú Yên cho đến thời điểm thanh toán dứt điểm.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong thì hàng tháng phải chịu lãi, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng, tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

- Về án phí: bà A tự nguyện chịu 150.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, 506.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003651 ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đông Hòa nên bà A còn phải nộp 356.000 đồng (*ba trăm năm sáu nghìn đồng*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND thị xã Đông Hòa;
- Chi cục THADS thị xã Đông Hòa
- UBND phường H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Hữu Duyên